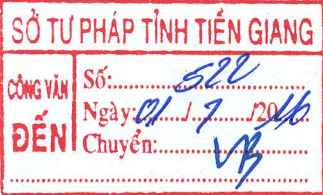


Số: 30 /2016/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về nội dung chi và mức chi đối với các nhiệm vụ thuộc Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Tiền Giang đến năm 2020



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Duy Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BKHCN ngày 29/12/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về tổ chức, quản lý và điều hành chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 130/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 16/9/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ quản lý tài chính đối với các nhiệm vụ thuộc Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 2152/QĐ-UBND ngày 04/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang phê duyệt Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Tiền Giang đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về nội dung chi và mức chi đối với các nhiệm vụ thuộc Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Tiền Giang đến năm 2020.

Điều 2. Sở Khoa học và Công nghệ (Thường trực Ban điều hành Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Tiền Giang đến năm 2020) tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, thị xã Cai Lậy và các đơn vị, tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. / *ml*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VB);
- Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- UBND tỉnh: CT và các PCT;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VPUB: CVP và các PCVP;
- Công TTĐT, Công báo tỉnh;
- Lưu VT, P.KTN (Tâm). *lf*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Anh Tuấn

QUY ĐỊNH

Về nội dung chi và mức chi đối với các nhiệm vụ thuộc Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Tiền Giang đến năm 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 30 /2016/QĐ-UBND ngày 29 / 6 / 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nội dung chi và mức chi đối với các nhiệm vụ thuộc Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 (Dự án NSCL).

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ có tham gia Dự án NSCL, trong đó trọng tâm là các doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hóa chủ lực; thành viên và Tổ Giúp việc của Ban Điều hành Dự án NSCL.

Điều 2. Nguồn kinh phí

1. Nguồn kinh phí sự nghiệp ngành của các Sở, ngành được cân đối bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm chi cho các nhiệm vụ thuộc Dự án NSCL do các Sở, ngành thực hiện.

2. Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh được phân bổ trong tổng kinh phí giao cho Sở Khoa học và Công nghệ hàng năm chi cho hoạt động của Ban Điều hành, Tổ Giúp việc và hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Dự án NSCL.

3. Nguồn Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh được hỗ trợ cho doanh nghiệp tham gia Dự án NSCL vay.

4. Nguồn kinh phí của doanh nghiệp, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, kinh phí từ các nguồn tài trợ, viện trợ và các nguồn hợp pháp khác chi cho doanh nghiệp tham gia thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án NSCL.

5. Nguồn hỗ trợ của Trung ương từ các chương trình Quốc gia hỗ trợ cho các doanh nghiệp tham gia Dự án NSCL.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nội dung chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

1. Chi cho hoạt động phổ biến áp dụng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và quy chuẩn kỹ thuật (QCKT), chi phổ biến áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế phục vụ xuất khẩu.

2. Chi thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin truyền thông, chi xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động của Dự án NSCL; chi xây dựng mô hình điểm nhằm quảng bá, tuyên truyền về năng suất, chất lượng; chi phổ biến, vận động xây dựng phong trào năng suất và chất lượng.

3. Chi đào tạo đội ngũ chuyên gia, cán bộ tư vấn, đánh giá về năng suất, chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; chi hội thảo cho các chuyên gia.

4. Chi hướng dẫn, đánh giá áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và công cụ cải tiến năng suất và chất lượng tiên tiến cho các doanh nghiệp.

5. Chi đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa chủ lực, đo lường năng suất của nền kinh tế, ngành kinh tế.

6. Chi tăng cường năng lực đo lường, thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa phục vụ quản lý nhà nước bao gồm: chi mua sắm máy móc, trang thiết bị; chi thuê chuyên gia trong nước.

7. Chi phục vụ công tác quản lý ở địa phương bao gồm: chi xây dựng thuyết minh, thẩm định, kiểm tra và nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Dự án NSCL; chi công tác phí, hội nghị, hội thảo chuyên đề, xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động của Dự án NSCL; chi hoạt động đào tạo, xây dựng giáo trình, thù lao giảng viên; chi hoạt động của Ban điều hành Dự án NSCL; chi học tập mô hình năng suất và chất lượng trong nước; chi cho công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Dự án NSCL; chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện, vật tư, văn phòng phẩm, hội họp, sơ kết, tổng kết.

8. Các chi phí khác liên quan trực tiếp đến hoạt động của Dự án NSCL.

Điều 4. Mức chi từ nguồn ngân sách nhà nước

1. Chi hoạt động nghiệp vụ

Mức chi thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án NSCL được thực hiện theo các quy định tài chính hiện hành.

2. Chi mua sắm trang thiết bị, vật tư, công cụ, dụng cụ.

Trên cơ sở các nhiệm vụ của Dự án NSCL được cấp có thẩm quyền phê

duyệt, đơn vị chủ trì triển khai thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định hiện hành của nhà nước về đấu thầu mua sắm hàng hóa.

3. Chi hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Dự án NSCL.

a) Chi đào tạo đội ngũ chuyên gia năng suất chất lượng (cho các Sở, ngành, doanh nghiệp) thực hiện theo quy định chi đối với đào tạo, tập huấn hiện hành.

b) Chi hướng dẫn (tư vấn) xây dựng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (ISO 9000, ISO 14000, ISO 22000, ISO 50000, ISO 27000, HACCP, SA 8000, ISO/IEC 17025,...) với mức từ 20 đến 30 triệu đồng hoặc không quá 50% giá trị hợp đồng chi phí tư vấn xây dựng cho 01 hệ thống (hoặc hệ thống tích hợp).

c) Chi hướng dẫn (tư vấn) áp dụng các mô hình, công cụ cải tiến năng suất chất lượng (5S, TPM, TQM, KAIZEN, LEAN, SIX SIGMA, BSC, 7 tiêu chí Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí,...) với mức từ 20 đến 30 triệu đồng hoặc không quá 50% giá trị hợp đồng tư vấn áp dụng cho 01 mô hình, công cụ (hoặc 01 nhóm công cụ).

d) Chi đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa hỗ trợ doanh nghiệp công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy hoặc công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm đối với sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật tương ứng với từ 10 đến 20 triệu đồng hoặc không quá 50 % giá trị hợp đồng đánh giá chứng nhận (cho 01 sản phẩm, hàng hóa hoặc nhóm sản phẩm, hàng hóa).

đ) Đối với trường hợp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và công bố tiêu chuẩn áp dụng được Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (TCĐLCL) hướng dẫn miễn phí.

4. Mức chi của các nội dung mang tính đặc thù

a) Chi thù lao cho Ban Điều hành và Tổ Giúp việc, mức chi như sau:

Trưởng ban	: 400.000 đồng/người/tháng;
Phó Trưởng ban, Thư ký	: 300.000 đồng/người/tháng;
Thành viên	: 200.000 đồng/người/tháng;
Tổ Giúp việc	: 150.000 đồng/người/tháng.

b) Chi các cuộc họp của Ban Điều hành và Tổ Giúp việc, mức chi như sau:

Trưởng ban	: 150.000 đồng/người/buổi;
Phó Trưởng ban, Thư ký, Thành viên, Tổ Giúp việc:	100.000 đồng/người/buổi.

c) Chi cho hoạt động khác của thành viên Ban Điều hành, Tổ Giúp việc như: mua sắm phương tiện, vật tư, văn phòng phẩm; công tác phí, làm việc ngoài giờ; tham dự hội nghị, hội thảo liên quan đến Dự án NSCL, ... do Thường trực Ban Điều hành phân công tham dự thực hiện theo quy định tài chính hiện hành.

d) Chi cho công tác triển khai thực hiện Dự án NSCL: chi phổ biến, tuyên truyền; kiểm tra, thẩm định hồ sơ; tổ chức hội nghị, hội thảo, sơ tổng kết thực

hiện Dự án và các nội dung chi có liên quan thực hiện theo quy định hiện hành.

đ) Nội dung và định mức chi xây dựng thuyết minh, thẩm định, kiểm tra, nghiệm thu các nhiệm vụ thành phần thuộc Dự án NSCL thực hiện theo quy định chi đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ hiện hành.

5. Các khoản chi khác phát sinh, không có các định mức chi cụ thể thì thực hiện theo mức chi của các công việc có tính chất tương tự hoặc thanh toán theo thực tế trên cơ chế hợp đồng và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Nguyên tắc sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Áp dụng và sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng theo nội dung, mục tiêu và đối tượng theo Dự án NSCL đã được phê duyệt.

2. Áp dụng 01 (một) lần hỗ trợ cho 01 (một) doanh nghiệp trong một (01) năm.

Điều 6. Phương thức hỗ trợ

1. Áp dụng 01 (một) lần hỗ trợ cho doanh nghiệp đăng ký tham gia Dự án NSCL nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo đúng quy định.

2. Doanh nghiệp được tiếp tục tham gia Dự án NSCL lần sau và kế tiếp đến năm 2020 khi nội dung đăng ký hỗ trợ không trùng nhau của mỗi năm tham gia.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN VÀ THỦ TỤC HỖ TRỢ

Điều 7. Điều kiện để doanh nghiệp được xem xét hỗ trợ

1. Doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 của Quy định này và phải tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2. Doanh nghiệp không được hỗ trợ từ 02 (hai) nguồn kinh phí khác nhau từ ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung.

3. Thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ đề nghị xét hỗ trợ theo Quy định này và các quy định có liên quan khác.

Điều 8. Thủ tục xét chọn hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Dự án NSCL

1. Hồ sơ đăng ký tham gia

Bản đăng ký và cam kết tham gia Dự án NSCL (theo Mẫu 01).

2. Trình tự xét chọn

a) Doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký tham gia Dự án NSCL (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) tại Chi cục TCĐLCL thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Chi cục TCĐLCL chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đúng thì hướng dẫn một lần để doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ (ghi đầy đủ và đúng nội dung yêu cầu theo mẫu).

c) Tổ Giúp việc thực hiện việc khảo sát, đánh giá hiện trạng tại doanh nghiệp đối với các nội dung hỗ trợ được quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 3 Điều 4 của Quy định này.

d) Căn cứ vào hồ sơ đăng ký tham gia, kết quả khảo sát đánh giá hiện trạng tại doanh nghiệp và các quy định của Dự án; Chi cục TCĐLCL tổ chức thẩm định và trình Thường trực Ban Điều hành (Sở Khoa học và Công nghệ) xét chọn.

đ) Căn cứ trên văn bản đề nghị của Chi cục TCĐLCL, Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định xét chọn đối với các doanh nghiệp đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định. Thời gian có hiệu lực của quyết định xét chọn là 02 (hai) năm kể từ ngày ký.

e) Trường hợp không được xét chọn, Thường trực Ban Điều hành (Sở Khoa học và Công nghệ) phản hồi bằng văn bản cho doanh nghiệp.

3. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 9. Thủ tục nghiệm thu, quyết toán kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Dự án NSCL

1. Hồ sơ đề nghị nghiệm thu, quyết toán kinh phí

a) Văn bản đề nghị cấp kinh phí;

b) Tài liệu chứng minh doanh nghiệp đã thực hiện và đạt kết quả đối với các nội dung được hỗ trợ nêu tại Điều 4 Quy định này, cụ thể:

- Hỗ trợ tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia:

+ Bản sao Văn bản đề xuất trao Giải thưởng Chất lượng Quốc gia của Hội đồng sơ tuyển;

+ Chứng từ gốc thanh toán phần kinh phí hỗ trợ.

- Hỗ trợ tư vấn xây dựng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến:

+ Bản gốc các hợp đồng tư vấn, nghiệm thu thanh lý hợp đồng;

+ Bản sao Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn (xuất trình bản gốc để đối chiếu);

+ Chứng từ gốc thanh toán phần kinh phí hỗ trợ.

- Hỗ trợ đào tạo, tư vấn áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng:

+ Bản gốc các hợp đồng tư vấn, nghiệm thu thanh lý hợp đồng;

+ Tài liệu, hồ sơ chứng minh có tham gia xây dựng, áp dụng mô hình, công cụ cải tiến năng suất chất lượng;

+ Chứng từ gốc thanh toán phần kinh phí được hỗ trợ.

- Chi hỗ trợ chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp:

+ Bản sao Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn, hợp quy do cơ quan có thẩm quyền cấp (xuất trình bản gốc để đối chiếu);

+ Bản gốc các hợp đồng chứng nhận, bản thanh lý hợp đồng;

+ Chứng từ gốc thanh toán phần kinh phí được hỗ trợ.

2. Trình tự thực hiện

a) Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị nghiệm thu, quyết toán kinh phí tại Chi cục TCĐLCL.

b) Chi cục TCĐLCL tiến hành kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ và lập thủ tục thanh quyết toán với Kho bạc nhà nước tỉnh theo quy định.

3. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Lập kế hoạch và dự toán kinh phí hàng năm cho hoạt động của Ban Điều hành, Tổ Giúp việc, Dự án NSCL thành phần thuộc trách nhiệm trong dự toán chi ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ được giao hàng năm.

b) Ưu tiên sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để hỗ trợ thực hiện các dự án NSCL của tỉnh.

c) Hướng dẫn doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị được hỗ trợ; xem xét, thẩm định hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ và việc sử dụng kinh phí của Dự án NSCL tại các Sở, ngành, doanh nghiệp; bảo đảm các nhiệm vụ của Dự án NSCL thực hiện đúng nội dung, thời gian và hiệu quả.

2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án NSCL trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các nhiệm vụ thuộc Dự án NSCL.

3. Các Sở, ngành trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án NSCL

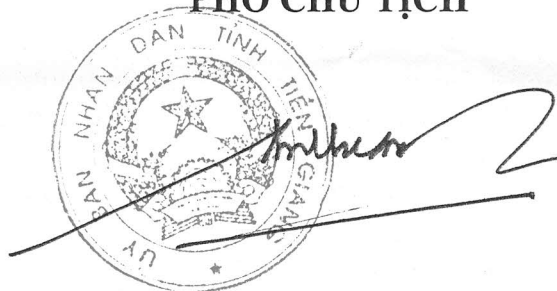
Hàng năm, vào thời điểm lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước; căn cứ vào nhiệm vụ dự án được giao lập kế hoạch và dự toán kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện các nhiệm vụ Dự án NSCL của ngành và gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 11. Trách nhiệm của doanh nghiệp tham gia Dự án NSCL

1. Đảm bảo trung thực, đầy đủ, chính xác của hồ sơ đề nghị được hỗ trợ.
2. Tổ chức triển khai thực hiện, quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ đúng mục đích, hiệu quả.
3. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo tình hình, kết quả thực hiện các nội dung được hỗ trợ, tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ khi có yêu cầu.

Điều 12. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /*nhđ*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Anh Tuấn

Mẫu 01

(Ban hành kèm theo Quyết định số 30 /2016/QĐ-UBND ngày 29/ 6 /2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày..... tháng năm 20.....

BẢN ĐĂNG KÝ VÀ CAM KẾT
THAM GIA DỰ ÁN NÂNG CAO NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tiền Giang

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP ĐĂNG KÝ THAM GIA DỰ ÁN

1. Tên doanh nghiệp:
2. Cơ quan chủ quản:
3. Giám đốc:
4. Địa chỉ:
5. Số điện thoại: Fax: E-mail:
6. Số tài khoản: tại:
7. Loại hình: Nhà nước Tư nhân Khác
8. Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất kinh doanh Dịch vụ
9. Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu:
-
10. Tên sản phẩm chủ yếu:
-
11. Tiêu thụ sản phẩm: Nội địa Xuất khẩu
12. Quy mô doanh nghiệp:
 - Giá trị sản lượng/năm:
 - Số lượng nhân viên: người
 - Đại học : người Cao đẳng : người
 - Trung cấp:người Lao động phổ thông: người

II. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ:

1. Xây dựng, áp dụng công cụ cải tiến năng suất và chất lượng:

- Tên công cụ cải tiến năng suất và chất lượng dự kiến áp dụng (nếu có):

.....

- Đăng ký làm mô hình điểm để nhân rộng và thực hành cho lớp chuyên gia năng suất chất lượng của tỉnh:

2. Xây dựng, áp dụng và chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng:

Tên hệ thống quản lý chất lượng dự kiến áp dụng:

.....

.....

3. Chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, quy chuẩn quốc gia, quy chuẩn địa phương:

Tên sản phẩm và tên tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, quy chuẩn dự kiến chứng nhận:.....

.....

.....

.....

Người liên hệ: Chức danh:

Điện thoại: Email:

III. CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP ĐĂNG KÝ THAM GIA DỰ ÁN

Chúng tôi cam kết tuân thủ các quy định về điều kiện tham gia Dự án NSCL và chịu trách nhiệm về các nội dung ghi trong văn bản này.

Nếu được xét chọn hỗ trợ, chúng tôi xin cam kết sử dụng kinh phí đúng nội dung và tiến độ, đồng thời cam kết cung cấp nguồn kinh phí đối ứng để triển khai thực hiện./.

Đại diện tổ chức/cá nhân
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)